

BIỂU PHÍ THẺ HDBANK BEST FRIEND FOREVER (BFF)

A. NHÓM PHÍ PHÁT HÀNH VÀ SỬ DỤNG THẺ

STT	LOẠI PHÍ	MỨC PHÍ
I	NHÓM PHÍ PHÁT HÀNH VÀ PHÍ THƯỜNG NIÊN	
1	Phí phát hành (đ/thẻ)	Miễn phí
2	Phí thay thế thẻ (đ/thẻ)	100,000
3	Phí thường niên (đ/thẻ/năm)	144,000
4	Phí thường niên thẻ phụ (đ/thẻ)	Miễn phí
II	NHÓM PHÍ DỊCH VỤ KHÁC	
1	Phí chậm thanh toán dư nợ thẻ (%/số tiền thanh toán tối thiểu).	4% (tối thiểu 50,000)
2	Phí thay đổi hạn mức tín dụng	33,000
3	Phí chuyển đổi ngoại tệ	3%
4	Phí cấp lại PIN	22,000
5	Phí khiếu nại sai	100,000
6	Lãi suất (%/năm)	24%

B. NHÓM PHÍ DỊCH VỤ TRẢ GÓP TRÊN MOBILE BANKING

I. Tất cả đối tượng khách hàng

STT	KỲ HẠN (THÁNG)	LOẠI PHÍ	MỨC PHÍ (% /giá trị Giao dịch chuyển đổi trả góp)
1	03	Phí chuyển đổi trả góp (thu 1 lần)	3.50%
2	06	Phí chuyển đổi trả góp (thu 1 lần)	5.20%
3	09	Phí duy trì trả góp hàng tháng	1.2%/tháng
4	12	Phí duy trì trả góp hàng tháng	1.2%/tháng

II. Đối tượng Khách hàng tham gia chương trình “Đồng hành Tri thức”

STT	KỲ HẠN (THÁNG)	LOẠI PHÍ	MỨC PHÍ (%/giá trị Giao dịch chuyển đổi trả góp)
1	06	Phí chuyển đổi trả góp (thu 1 lần)	2.50%
2	09	Phí chuyển đổi trả góp (thu 1 lần)	3.50%
3	12	Phí chuyển đổi trả góp (thu 1 lần)	4.50%
4	24	Phí duy trì trả góp hàng tháng	0.7%/tháng
		Phí tắt toán trả góp trước hạn (trước 12 tháng)	2%/dư nợ còn lại
5	36	Phí duy trì trả góp hàng tháng	0.8%/tháng
		Phí tắt toán trả góp trước hạn (trước 24 tháng)	2%/dư nợ còn lại
6	48	Phí duy trì trả góp hàng tháng	0.9%/tháng
		Phí tắt toán trả góp trước hạn (trước 24 tháng)	2%/dư nợ còn lại
7	60	Phí duy trì trả góp hàng tháng	1.0%/tháng
		Phí tắt toán trả góp trước hạn (trước 24 tháng)	2%/dư nợ còn lại

(*) Biểu phí trên đã bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT), phí phát hành và phí chậm thanh toán không tính VAT. Những phí khác áp dụng theo biểu phí dịch vụ Thẻ dành cho khách hàng cá nhân hiện hành và thay đổi theo từng thời kỳ.

